| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ HƯƠNG THỦY**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **03**/2020/KDTM-ST
Ngày: 08-9-2020

*V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪ THIÊN HUẾ**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Mai Văn Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Châu Đình Ngữ và ông Nguyễn Hữu Thành.

***-Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên toà***: Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các bên đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty cổ phần FH; Địa chỉ: Lô 1A, Khu công nghiệp PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Dương Bá K, chức vụ: Giám đốc Công ty (vắng mặt, đã ủy quyền).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là*: Ông Thái Đặng Ngọc C, chức vụ: Trưởng phòng KH-KD Công ty cổ phần FH; Địa chỉ: 31A đường ĐC, phường PH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Theo văn bản ủy quyền số 355/GUQ-Frit ngày 29/7/2020 của Giám đốc Công ty FH. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH; Địa chỉ trụ sở: Số 12 đường NTS, phường PB, Thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Quang N, chức vụ: Giám đốc Công ty; Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 3300101195, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08/04/2011. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty cổ phần FH và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày: Theo đơn đặt hàng của Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH,

Công ty cổ phần FH đã thực hiện tổ chức giao hàng theo yêu cầu của Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH. Số lượng, chủng loại và giá cả sản phẩm của từng đợt giao hàng được thể hiện trên từng đơn hàng của bên mua và thư báo giá của bên bán tương ứng tại từng thời điểm. Ngày 01/01/2015, hai bên đã cùng xác nhận biên bản đối chiếu công nợ. Cụ thể tính đến hết ngày 31/12/2014, phía Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH còn nợ của Công ty cổ phần FH số tiền là 798.297.811 đồng. Đến đầu năm 2015, bên mua ngừng việc lấy hàng, đồng thời vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho bên bán. Phía Công ty cổ phần FH đã nhiều lần gọi điện thông báo yêu cầu trả nợ và gửi biên bản đối chiếu công nợ cho Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH nhưng không phản hồi và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần FH. Do Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH không chịu thanh toán số tiền nợ nói trên, vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền nên Công ty cổ phần FH đã khởi kiện và yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần FH số tiền nợ gốc còn lại là 798.297.811 đồng và tiền lãi quá hạn do chậm thanh toán tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 08/9/2020, theo mức lãi suất 10.5%/năm tương ứng với số tiền lãi là 483.811.580 đồng, tổng cộng: 1.282.109.391 đồng.

Về phía bị đơn là Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH và người đại diện theo pháp luật là ông Lê Quang N-Giám đốc Công ty, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08/04/2011, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không trình bày bản tự khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tại phiên tòa hôm nay cũng cố tình vắng mặt, không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hương Thủy có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, còn bị đơn cố tình vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hương Thủy, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH và người đại diện theo pháp luật là ông Lê Quang N, chức vụ: Giám đốc Công ty, địa chỉ trụ sở: Số 12 đường NTS, phường PB, Thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 08/04/2011 và Công văn số 17/ĐKKD-CV ngày 02/02/2016 của Sở kế hoạch và Đầu tư

tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng bao gồm: Đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên báo Công lý trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Miền Trung- Tây Nguyên ba lần trong 03 ngày liên tiếp để triệu tập bị đơn đến làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng phía bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện phía bị đơn là Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH có các đơn đặt hàng cho Công ty cổ phần FH để mua các hàng hóa, vật tư, nguyên liệu hóa chất để sản xuất kinh doanh, phía Công ty cổ phần FH đã có các Thư báo giá và đã tổ chức thực hiện việc giao hàng hóa theo yêu cầu của Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH. Số lượng, chủng loại và giá cả sản phẩm của từng đợt giao hàng thể hiện trên từng đơn hàng của bên mua và thư báo giá của bên bán tương ứng tại từng thời điểm. Khi giao hàng có các Giấy giao nhận hàng, có xác nhận của bên mua và bên bán, cùng các hóa đơn giá trị gia tăng có đóng dấu của của Công ty cổ phần FH. Điều này thể hiện Công ty cổ phần FH đã giao đúng số lượng và chủng lượng hàng hóa, vật tư theo yêu cầu của Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/01/2015 có xác nhận của hai bên, thể hiện đến hết ngày 31/12/2014 Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH còn nợ tiền hàng của Công ty cổ phần FH số tiền nợ gốc là 798.297.811 đồng. Phía Công ty cổ phần Frit đã nhiều lần yêu cầu Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH thanh toán số tiền trên nhưng phía bị đơn vẫn không thực hiện. Vì vậy, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán hàng hóa đối với nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 297 Luật Thương mại, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền hàng còn nợ là 798.297.811 đồng là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Về yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi quá hạn do vi phạm thời hạn thanh toán: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"; Theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả được căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại trên địa bàn là 12,5%/năm. Nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện yêu cầu trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10.5%/năm, thấp hơn so với

mức lãi suất trung bình cộng của ba ngân hàng thương mại cổ phần tại thời điểm xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận về sự tự nguyện của nguyên đơn, cụ thể: số tiền lãi quá hạn mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 08/9/2020, tức là 05 năm 09 tháng 08 ngày, tương ứng với số tiền lãi chậm trả là: [798.297.811 đồng x 10,5%/ năm x (05 năm 09 tháng 08 ngày)] = (419.106.350 đồng + 62.865.952 đồng + 1.839.278 đồng) = 483.811.580 đồng; Tổng cộng hai khoản là 1.282.109.391 đồng.

Về phía bị đơn là Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH đã cố tình vắng mặt coi như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trước phiên tòa.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần FH, buộc bị đơn là Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản tiền cho nguyên đơn, cụ thể: Số tiền nợ gốc: 798.297.811 đồng và tiền lãi quá hạn: 483.811.580 đồng, tổng cộng: 1.282.109.391 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.650.000 đồng, nguyên đơn là Công ty cổ phần FH tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này. Nguyên đơn đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể là: [36.000.000 đồng + (3% x 482.109.391 đồng)] = (36.000.000 đồng + 14.463.281 đồng) =50.463.281 đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 180; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng khoản 1 Điều 24, Điều 34, khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật thương mại 2005; Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Công ty cổ phần FH.

Buộc Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần FH số tiền: 1.282.109.391 đồng; Trong đó số tiền nợ gốc là 798.297.811 đồng; Tiền lãi quá hạn là 483.811.580 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo bản án đã tuyên thì còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất

được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng khác: Là lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.650.000 đồng, nguyên đơn là Công ty cổ phần FH tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng này. Nguyên đơn đã nộp đủ, nay không phải nộp thêm.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc bị đơn là Công ty cổ phần khoáng sản gạch men TTH phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 50.463.281 đồng.

- Hoàn lại cho Công ty cổ phần FH số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.929.895,77 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/000210 ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
*- TAND tỉnh TT-Huế;*
*- VKSND tỉnh TT-Huế;*
*- VKSND Thị xã Hương Thủy;*
*- Chi cục THADS;*
*- Các bên đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã kí)**

**Mai Văn Phú**